

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: **11/10/2018.**

“V/v : Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Th phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1990; HKTT: Thôn 3 - xã B - huyện T - Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang: Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 14/7/2008; địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 07/4/2010; HKTT: Thôn 3 - xã B - huyện T - Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – Anh Nguyễn Văn Th trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 12/12/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì P sinh mâu thuẫn. Anh Th cho rằng: Do chị Gi sống không thật lòng nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Mặc dù, anh Th đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Gi vẫn không thay đổi được tính tình. Đến năm 2014, chị Gi và anh Th đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, anh Th không còn tình cảm với chị Gi; nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên anh Th yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Anh Th và chị Gi có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Hữu Tiến P, sinh ngày 07/4/2010. Hiện nay, anh Th đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ. Cháu Nguyễn Hữu Tấn P đang do chị Gi chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu Tiến Đ và chấp nhận giao cho chị Gi nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Hữu Tiến P cho đến khi Th niên. Anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

[2]. Thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn – Chị Nguyễn Thị Gi trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2007. Đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do hai bên gia đình ở xa nhau, chị Gi muốn vợ chồng về sống với cha mẹ ruột, còn anh Th thì muốn chung sống với gia đình anh Th nên vợ chồng P sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014, chị Gi đã về nhà cha mẹ của chị Gi ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang sinh sống nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Thời gian này, anh Th và chị Gi không liên lạc gì với nhau. Hiện nay, anh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn thì chị Gi đồng ý.

- Về con chung: Chị Gi và anh Th có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Hữu Tiến P, sinh ngày 07/4/2010. Hiện nay, chị Gi đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Tiến P. Cho nên, nếu ly hôn chị Gi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến P và chấp nhận giao cho anh Th được quyền nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến Đ cho đến khi Th niên. Chị Gi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Gi không yêu cầu giải quyết.

[3]. Thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi liên quan – Cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ trình bày như sau:

Nếu anh Th và chị Gi không còn chung sống với nhau thì cháu Đ có nguyện vọng được sống với anh Nguyễn Văn Th.

[4]. Thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi liên quan – Cháu Nguyễn Hữu Tiến P trình bày:

Nếu anh Th, chị Gi ly hôn thì cháu Nguyễn Hữu Tiến P có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn Thị Gi.

[5]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- Nguyên đơn - Anh Nguyễn Văn Th làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Chị Gi chấp nhận ly hôn.

- Anh Nguyễn Văn Th có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Hữu Tiến Đ và đồng ý giao con chung Nguyễn Hữu Tiến P cho chị Gi được quyền nuôi dưỡng. Chị Gi thống nhất với yêu cầu của anh Nguyễn Văn Th

- Anh Th và chị Gi không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[6]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn - Anh Nguyễn Văn Th đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ sau: 01 trích lục kết hôn (Bản sao) số 10/TLKH-BS, ngày 23/7/2018 của UBND xã B; 01 Giấy khai sinh (Bản sao) số 86/2011, ngày 17/10/2011 của UBND xã B; 01 Giấy khai sinh (Bản sao) số 44/2010, ngày 29/4/2010 của UBND xã B; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Th (Bản phô tô - Đã đối chiếu bản chính) và 01 sổ hộ khẩu (Bản phô tô).

- Tòa án đã lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Th, cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ và Ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án huyện T, tỉnh An Giang tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Gi và cháu Nguyễn Hữu Tiến P. Ngày 03/8/2018 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương xã B về việc cư trú của chị Nguyễn Thị Gi và về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Th, chị Gi. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án trên báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh P biểu ý kiến như sau:

**/ Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

**/ Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Gi.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh năm 2008 cho anh Th nuôi dưỡng cho đến khi Th niên và giao cháu Nguyễn Hữu Tiến P, sinh năm 2010 cho chị Gi nuôi dưỡng cho đến khi Th niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp đủ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Gi đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - Chị Nguyễn Thị Gi là phù hợp với quy định Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Anh Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Nguyễn Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận vào năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì P sinh mâu thuẫn. Do anh Th và chị Gi không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Nhận thấy cuộc

sống vợ chồng không có hạnh phúc nên từ năm 2014 chị Gi và anh Th đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian này, anh Th đã vận động, khuyên răn chị Gi về chung sống lại, nhưng chị Gi không đồng ý. Cho nên, thời gian sống ly thân giữa chị Gi và anh Th không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh Th không còn tình cảm với chị Gi và không muốn vợ chồng chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Gi, ngày 04/9/2018 (bút lục: 46) trình bày: Chị Gi và anh Th đã sống ly thân từ năm 2014. Do đó, anh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị Gi chấp nhận ly hôn.

Xét thấy: Chị Gi và anh Th chung sống không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Giữa các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, chị Gi đồng ý ly hôn với anh Th. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh Th và chị Gi đã xảy ra trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Gi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Xét về yêu cầu giải quyết việc nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 14/7/2008 và Nguyễn Hữu Tiến P, sinh ngày 07/4/2010.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ cho đến khi Th niên và đồng ý giao cháu Nguyễn Hữu Tiến P cho chị Nguyễn Thị Gi nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Gi, ngày 04/9/2018 thể hiện: Chị Nguyễn Thị Gi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Tiến P cho đến khi Th niên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được nuôi con của chị Gi và anh Th là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ năm 2014 cho đến nay, cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ đang chung sống với anh Nguyễn Văn Th, còn cháu Nguyễn Hữu Tiến P đang do chị Nguyễn Thị Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2018 (bút lục 45), ngày 08/8/2018 (bút lục 22) thể hiện: Cháu Nguyễn Hữu Tiến Đ có nguyện vọng được sống với anh Th. Cháu Nguyễn Hữu Tiến P có mong muốn tiếp tục chung sống với chị Nguyễn Thị Gi.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần tiếp tục giao cho anh Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 14/7/2008 và tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Gi có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến P, sinh ngày 07/4/2010 cho đến khi Th niên là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con:

Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xét đến.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung:

Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét đến.

[7]. Về án phí: Cần buộc anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Gi và giao con chung Nguyễn Hữu Tiến Đ cho anh Th được quyền nuôi dưỡng và giao cho chị Nguyễn Thị Gi được quyền nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hữu Tiến P cho đến khi Th niên là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56 các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Gi.

- *Về con chung:*

Tiếp tục giao cho anh Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến Đ, sinh ngày 14/7/2008 cho đến khi Th niên.

Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Gi có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Tiến P, sinh ngày 07/4/2010 cho đến khi Th niên.

Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Gi không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc các con; không ai được quyền ngăn cản.

- *Về án phí:* Buộc anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là:

300.000đồng mà anh Th đã nộp theo biên lai số N.0012754, ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Nguyễn Văn Th đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án - Ngày 11/10/2018. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ***(Đã gửi thích quyền kháng cáo)***.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã B (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến